

1. Hình thức : Lý thuyết

- Thi theo thời khóa biểu của lớp
- Cấu trúc đề thi : 100% Trắc nghiệm khách quan

2. Thời gian : 45 phút

3. Nội dung :

- Bài 1: Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam.
- Bài 2: Luật nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh.
- Bài 3: Phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.
- Bài 4: Một số vấn đề về vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

BÀI TẬP MINH HỌA

Câu 1. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở được gọi là

- | | |
|----------------------------|-------------|
| A. Thềm lục địa | B. Nội thủy |
| C. Vùng tiếp giáp lãnh hải | D. Lãnh hải |

Câu 2. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải, được gọi là

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| A. Vùng tiếp giáp lãnh hải | B. Vùng đặc quyền kinh tế |
| C. Thềm lục địa | D. Nội thủy |

Câu 3. Vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa, được gọi là

- | | |
|----------------------------|-----------------|
| A. Vùng tiếp giáp lãnh hải | B. Thềm lục địa |
| C. Vùng đặc quyền kinh tế | D. Nội thủy |

Câu 4. “Vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước” - đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- | | | | |
|--------|-------------|-------------|-------------|
| A. Đảo | B. Lãnh hải | C. Nội thủy | D. Quần đảo |
|--------|-------------|-------------|-------------|

Câu 5. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm

- A. Đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời
- B. Vùng đất, vùng trời và hải đảo
- C. Vùng biển và vùng trời

D. Đất liền và hải đảo

Câu 6. Một trong những quan điểm chỉ đạo của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới là

- A. Chỉ chú trọng xây dựng sức mạnh của đất nước về văn hóa - xã hội
- B. Coi ngoại lực là nhân tố quyết định mọi thắng lợi, thành công
- C. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
- D. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: kháng chiến và kiến quốc

Câu 7. Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là

- A. Đối tượng
- B. Đối thủ
- C. Đối tác
- D. Kẻ thù

Câu 8. Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 bao gồm

- A. 7 chương với 55 điều
- B. 320 điều và 9 phụ lục
- C. 9 chương với 62 điều
- D. 36 điều và 8 phụ lục

Câu 9. Theo quy định trong Luật Biển Việt Nam năm 2012, vùng biển Việt Nam gồm bao nhiêu bộ phận?

- A. 5 bộ phận
- B. 3 bộ phận
- C. 6 bộ phận
- D. 4 bộ phận

Câu 10. Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng

- A. Một mốc quốc giới duy nhất
- B. Hệ thống mốc quốc giới
- C. Hệ tọa độ trên đất liền
- D. Các tọa độ trên hải đồ

Câu 11. “Mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời” đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Biên giới quốc gia trên không
- B. Biên giới quốc gia trên đất liền
- C. Biên giới quốc gia trong lòng đất
- D. Biên giới quốc gia trên biển

Câu 12. Việt Nam có đường biên giới chung trên đất liền với những quốc gia nào?

- A. Lào, Thái Lan, Philíppin
- B. Mianma, Malaixia, Indônêxia
- C. Lào, Campuchia, Thái Lan
- D. Trung Quốc, Lào, Campuchia

Câu 13. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới?

- A. Chỉ chú trọng xây dựng sức mạnh của đất nước về văn hóa - xã hội
- B. Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội
- C. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- D. Giữ vững sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng

Câu 14. Bất kì thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là

- A. Đối tác B. Đồng minh C. Đối tượng D. Đồng đội

Câu 15. Luật Biển Việt Nam năm 2012 bao gồm

- A. 36 điều và 8 phụ lục B. 320 điều và 9 phụ lục
C. 9 chương với 62 điều D. 7 chương với 55 điều

Câu 16. Theo quy định trong Luật Biển Việt Nam năm 2012: vùng biển quốc tế là tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm

- A. Đáy biển và lòng đất dưới đáy biển
B. Thềm lục địa và lòng đất dưới đáy biển
C. lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải
D. Vùng nội thủy và tiếp giáp lãnh hải

Câu 17. Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ

- A. Ranh giới ngoài của lãnh hải B. Đường cơ sở ra phía biển
C. Ranh giới ngoài thềm lục địa D. Vùng nội thủy ra phía biển

Câu 18. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở, được gọi là

- A. Nội thủy. B. Thềm lục địa
C. Vùng đặc quyền kinh tế D. Vùng tiếp giáp lãnh hải

Câu 19. Ranh giới ngoài thềm lục địa cách đường cơ sở không quá

- A. 12 hải lí B. 200 hải lí C. 10 hải lí D. 350 hải lí

Câu 20. Việt Nam có hai quần đảo xa bờ là

- A. Thổ Chu và Phú Quý B. Hoàng Sa và Trường Sa
C. Trường Sa và Phú Quý D. Hoàng Sa và Thổ Chu

Câu 21. Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng

- A. Một mốc quốc giới duy nhất B. Các tọa độ trên hải đồ
C. Hệ tọa độ trên đất liền D. Hệ thống mốc quốc giới

Câu 22. Mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất, đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Biên giới quốc gia trong lòng đất B. Biên giới quốc gia trên không
C. Biên giới quốc gia trên đất liền D. Biên giới quốc gia trên biển

Câu 23. Hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm trong bảo vệ biên giới quốc gia của Việt Nam?

- A. Vận chuyển qua biên giới hàng hóa mà nhà nước không cấm
- B. Bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia
- C. Phá hoại an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới
- D. Tổ chức những hành vi gây hư hại, làm xê dịch mốc quốc giới

Câu 24. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng trách nhiệm của công dân trong việc quản lý, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia?

- A. Tham gia phong trào tự quản đường biên, mốc quốc giới
- B. Chấp hành các quy định của pháp luật về biên giới quốc gia
- C. Vận chuyển qua biên giới những văn hóa phẩm độc hại
- D. Xây dựng, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới

Câu 25. Ở Việt Nam, ngày Biên phòng toàn dân được tổ chức vào

- A. Ngày 7/5 hằng năm
- B. Ngày 18/3 hằng năm
- C. Ngày 22/12 hằng năm
- D. Ngày 3/3 hằng năm

Câu 26. Trong buổi nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong, Bác Hồ đã căn dặn: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Bác nói câu này vào thời gian nào?

- A. 29/9/1954
- B. 19/9/1955
- C. 29/9/1955
- D. 19/9/1954

Câu 27. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tiêu chuẩn tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân?

- A. Tốt nghiệp THPT đối với công dân các xã miền núi
- B. Công dân đã có tiền án, tiền sự
- C. Thể hình cân đối, không dị hình, dị dạng
- D. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự

Câu 28. Độ tuổi được gọi nhập ngũ của công dân Việt Nam là

- A. Từ đủ 20 đến hết 25 tuổi
- B. Từ đủ 18 đến hết 25 tuổi
- C. Từ đủ 21 đến hết 27 tuổi
- D. Từ đủ 17 đến hết 27 tuổi

Câu 29. Những đối tượng nào sau đây được quyền đăng kí nghĩa vụ quân sự?

- A. Người bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Công dân đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ
- C. Công dân nam từ đủ 17 tuổi và công dân nữ đủ 18 tuổi trở lên
- D. Người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Câu 30. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng tiêu chuẩn được gọi nhập ngũ của công

dân Việt Nam?

- A. Không yêu cầu trình độ văn hóa
- B. Có lí lịch rõ ràng
- C. Đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ.
- D. Tuân thủ pháp luật của nhà nước

Câu 31. Công dân thuộc trường hợp nào sau đây được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình?

- A. Phục vụ trên tàu kiểm ngư từ đủ 36 tháng trở lên
- B. Tham gia Công an xã liên tục từ đủ 24 tháng trở lên
- C. Phục vụ trên tàu kiểm ngư từ đủ 12 tháng trở lên
- D. Dân quân thường trực có ít nhất 24 tháng phục vụ

Câu 32. Ở thời bình, trong trường hợp để bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu hoặc đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn,... thời hạn tại ngũ của hạ sĩ quan, binh lính được kéo dài nhưng không quá

- A. 6 tháng
- B. 24 tháng
- C. 18 tháng
- D. 12 tháng

Câu 33. Hành vi nào sau đây không bị nghiêm cấm trong thực hiện nghĩa vụ quân sự?

- A. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm của hạ sĩ quan, binh lính
- B. Gian dối trong hoạt động khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự
- C. Xâm phạm thân thể, sức khỏe của hạ sĩ quan, binh lính
- D. Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự

Câu 34. Hồ sơ đăng kí nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cần có loại giấy tờ nào sau đây?

- A. Sổ hộ khẩu, giấy khai sinh hoặc bản chụp căn cước công dân
- B. Giấy khai sinh và phiếu tự khai sức khỏe nghĩa vụ quân sự
- C. Bản chụp căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân
- D. Tờ khai đăng kí thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

Câu 35. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chuyển Lệnh gọi đăng kí nghĩa vụ quân sự đến công dân cư trú tại địa phương trước thời hạn đăng kí nghĩa vụ quân sự bao nhiêu ngày?

- A. 8 ngày
- B. 9 ngày
- C. 10 ngày
- D. 11 ngày

Câu 36. Đối tượng được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân là công dân nam

- A. Từ 18 đến hết 27 tuổi, thuộc trường hợp miễn gọi nhập ngũ
- B. Từ 18 đến hết 45 tuổi, thuộc trường hợp tạm hoãn gọi nhập ngũ
- C. Ngoài độ tuổi gọi nhập ngũ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự
- D. Trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự

Câu 37. Ở Việt Nam, công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết

- A. 31 tuổi B. 27 tuổi C. 25 tuổi D. 29 tuổi

Câu 38. Công dân thuộc trường hợp nào sau đây được miễn gọi nhập ngũ?

- A. Tất cả các anh trai hoặc em trai của liệt sĩ
B. Con của liệt sĩ; con của thương binh hạng một
C. Con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên
D. Các con của thương binh hạng hai; anh trai/ em trai của liệt sĩ

Câu 39. Công dân trực tiếp đăng kí nghĩa vụ quân sự tại

- A. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã B. Ban Chỉ huy quân sự cấp tỉnh
C. Ban Chỉ huy quân sự quận D. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện

Câu 40. Người nào có chức trách quyết định về: độ tuổi tuyển chọn và ngành nghề cần thiết để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân?

- A. Bộ trưởng Bộ Công an B. Thủ tướng Chính phủ
C. Chủ tịch nước D. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Câu 41. Nội dung nào bị cấm trong thực hiện nghĩa vụ quân sự?

- A. Chấp hành quy định của pháp luật về đăng kí và thực hiện nghĩa vụ quân sự
B. Ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định về đăng kí nghĩa vụ quân sự
C. Làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự
D. Có mặt đúng thời gian quy định trong giấy gọi khám, kiểm tra sức khỏe

Câu 42. Công dân được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình, khi đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia công an xã liên tục từ đủ bao nhiêu tháng trở lên?

- A. 30 tháng trở lên B. 36 tháng trở lên
C. 24 tháng trở lên D. 18 tháng trở lên

Câu 43. Hành vi không đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu sẽ bị xử phạt bằng hình thức nào sau đây?

- A. Phạt tiền B. Cải tạo không giam giữ
C. Tù có thời hạn D. Tù không thời hạn

Câu 44. Hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự sẽ bị xử phạt bằng hình thức nào sau đây?

- A. Tù có thời hạn B. Cải tạo không giam giữ
C. Tù không thời hạn D. Phạt tiền

Câu 45. Công dân thuộc trường hợp nào sau đây được tạm hoãn gọi nhập ngũ?

- A. Đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe
- B. Đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học
- C. Có anh, chị hoặc em họ là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ
- D. Có người thân bị suy giảm khả năng lao động từ 40 đến 60%

Câu 46. Trong hồ sơ đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cần có

- A. Sổ hộ khẩu và bản chụp căn cước công dân
- B. Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự
- C. Phiếu tự khai sức khỏe nghĩa vụ quân sự
- D. Bản chụp giấy khai sinh và sổ hộ khẩu

Câu 47. Trong thời bình, thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh lính là

- A. 18 tháng
- B. 12 tháng
- C. 24 tháng
- D. 30 tháng

Câu 48. Anh C đang chuẩn bị vào trường Đại học A tuy nhiên hiện tại anh C lại muốn thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân. Như vậy anh có được tham gia không? Ngoài ra, anh C chưa đăng ký nghĩa vụ lần nào do không nhận được giấy báo, vậy liệu anh C có bị phạt?

- A. Anh C không được tham gia và bị phạt hành chính
- B. Anh C được tham gia nếu bổ sung giấy đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu và không bị phạt hành chính
- C. Anh C được tham gia và bị phạt hành chính
- D. Anh C không được tham gia và không bị phạt hành chính

Câu 49. L năm nay 18 tuổi khi có lệnh gọi nhập ngũ nhưng không muốn tham gia nghĩa vụ quân sự nên đã trốn đi nơi khác. Vậy L bị xử lý như thế nào?

- A. Anh L không bị phạt hành chính và buộc phải nhập ngũ
- B. Anh L bị phạt hành chính và buộc phải nhập ngũ
- C. Anh L không bị phạt hành chính và không phải nhập ngũ mà chờ đợt gọi tiếp theo
- D. Anh L bị phạt hành chính và không phải nhập ngũ

Câu 50. Do việc chậm trễ, không thực hiện đúng thời gian quy định về kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, thanh niên X lo sợ và cấu kết với cán bộ ý tế gian dối làm sai lệnh kết quả khám sức khỏe của mình nhằm trốn nghĩa vụ quân sự. Hỏi những ai sẽ bị xử lý và xử lý hành chính như thế nào?

- A. Thanh niên X và cán bộ y tế chỉ bị phạt hành chính
- B. Thanh niên X buộc thực hiện lại việc khám sức khỏe cán bộ y tế buộc trả lại tiền bắt hợp pháp mà cán bộ, nhân viên y tế có được

C. Thanh niên X và cán bộ y tế bị phạt hành chính, thanh niên X buộc thực hiện lại việc khám sức khỏe cán bộ y tế buộc trả lại tiền bắt hợp pháp mà cán bộ, nhân viên y tế có được

D. Thanh niên X buộc thực hiện lại việc khám sức khỏe cán bộ y tế buộc trả lại tiền bắt hợp pháp mà cán bộ, nhân viên y tế có được

Câu 51. Công dân được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình khi có thời gian phục vụ trên tàu Kiểm ngư từ đủ

A. 30 tháng trở lên

B. 12 tháng trở lên

C. 24 tháng trở lên

D. 18 tháng trở lên

Câu 52. “Hiện tượng xã hội tiêu cực, có tính phổ biến, lan truyền, biểu hiện bằng những hành vi vi phạm pháp luật, lệch chuẩn mực xã hội, chuẩn mực đạo đức, gây nguy hiểm cho xã hội” là khái niệm về

A. Tệ nạn xã hội

B. Bạo lực học đường

C. Tội phạm hình sự

D. Bạo lực gia đình

Câu 53. Tệ nạn mại dâm là các hành vi

A. Sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy

B. Mua dâm, bán dâm và các hành vi khác có liên quan đến mua dâm, bán dâm

C. Tin vào những điều mơ hồ dẫn đến cuồng tín, hành động trái với chuẩn mực xã hội

D. Lợi dụng trò chơi để cá cược, sát phạt được thua bằng tiền hoặc lợi ích vật chất khác

Câu 54. Câu ca dao “Lắm le dạ muốn kết duyên/Thấy anh giở chén chung tiền em chê” phản ánh về loại tệ nạn xã hội nào dưới đây?

A. Tệ nạn mê tín dị đoan

B. Tệ nạn mại dâm

C. Tệ nạn ma túy

D. Tệ nạn cờ bạc

Câu 55. Tục ngữ nào sau đây phản ánh về tệ nạn mê tín dị đoan?

A. Nhịn đói nằm co hơn ăn no vác nặng

B. Hòn đất mà biết nói năng/ Thì thầy địa lý hàm răng chẳng còn

C. Đi cuộc đầu tay, đi cày mới gỏi

D. Đánh đề ra đề mà ở

Câu 56. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về khái niệm “tội phạm”?

A. Do pháp nhân thương mại thực hiện một cách vô ý hoặc cố ý

B. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự

C. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách vô ý hoặc cố ý

D. Do người mất năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý

Câu 57. Trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có bao nhiêu chương quy định về hình phạt các tội phạm?

- A. 14 chương B. 12 chương C. 15 chương D. 13 chương

Câu 58. Nội dung nào không phải những cách thức hoạt động phổ biến của tội phạm?

- A. Sử dụng vũ khí, công cụ, phương tiện
B. Thành các băng nhóm, tổ chức
C. Sử dụng thủ đoạn giả mạo, gian dối
D. Chi lưu động trên phạm vi xã, phường

Câu 59. Tội phạm sử dụng công nghệ cao là những hành vi vi phạm

- A. Pháp luật tố tụng B. Pháp luật dân sự
C. Pháp luật lao động D. Pháp luật hình sự

Câu 60. Hành vi sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật sẽ bị xử phạt theo những hình thức nào?

- A. Cải tạo không giam giữ hoặc cảnh cáo
B. Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù
C. Cảnh cáo hoặc phạt tiền
D. Cảnh cáo, phạt tiền và phạt tử hình

Câu 61. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng trách nhiệm của học sinh trong việc phòng chống tệ nạn xã hội?

- A. Gương mẫu thực hiện quy định của pháp luật, quy tắc sinh hoạt cộng đồng
B. Né tránh tham gia hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội do địa phương tổ chức
C. Tự giác thực hiện trách nhiệm công dân trong phòng, chống tệ nạn xã hội
D. Học tập đầy đủ các nội dung giáo dục về phòng, chống tệ nạn xã hội

Câu 62. Chủ thể nào dưới đây không vi phạm pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội?

- A. Chị V tố cáo với cơ quan công an về hành vi tổ chức đánh bạc của ông P
B. Bà S tung tin mình được “thánh cho ăn lộc” để tổ chức hoạt động bói toán
C. Anh K lợi dụng việc kinh doanh dịch vụ massage để môi giới mại dâm
D. Bạn K vận chuyển giúp ông C 200g ma túy để nhận 1 triệu đồng tiền công

Câu 63. Một trong những cách thức hoạt động phổ biến của tội phạm là

- A. Không sử dụng các loại vũ khí, công cụ
B. Thành các băng nhóm, tổ chức
C. Chi lưu động trên phạm vi xã, phường

D. Hoạt động độc lập, không có sự cầu kết.

Câu 64. Nội dung nào sau đây không đúng về khái niệm “tội phạm sử dụng công nghệ cao”?

- A. Do người mất năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện
- B. Xâm phạm trật tự, an toàn thông tin, tổn hại lợi ích nhà nước
- C. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện
- D. Là những hành vi vi phạm pháp luật hình sự

Câu 65. Nội dung nào sau đây không đúng về cách thức hoạt động phổ biến của tội phạm sử dụng công nghệ cao?

- A. Sử dụng mạng internet, phương tiện điện tử,... để truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy
- B. Chiếm đoạt quyền quản trị hệ thống, can thiệp vào dữ liệu hoặc hệ điều hành
- C. Khai thác lỗ hổng bảo mật để lấy cắp tên và mật khẩu đăng nhập của người dùng
- D. Sử dụng các vũ khí, công cụ truyền thống và chỉ lưu động trên phạm vi xã, phường

Câu 66. Hành vi đánh bạc trái phép chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị xử phạt theo hình thức nào sau đây?

- A. Phạt tù chung thân
- B. Phạt tù có thời hạn
- C. Phạt vi phạm hành chính
- D. Phạt cải tạo không giam giữ

Câu 67. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng trách nhiệm của công dân trong việc phòng chống tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao?

- A. Chủ động nghiên cứu và thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật
- B. Không tham gia hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội do địa phương tổ chức
- C. Tham gia các hoạt động tuyên truyền, vui chơi lành mạnh
- D. Giúp đỡ cơ quan chức năng điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật

Câu 68. Chủ thể nào dưới đây đã vi phạm pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội?

- A. Anh K lợi dụng việc kinh doanh dịch vụ massage để môi giới mại dâm
- B. Chị V tố cáo với cơ quan công an về hành vi tổ chức đánh bạc của ông P
- C. Anh P tố cáo hành vi tàng trữ và buôn bán trái phép chất ma túy của ông M
- D. Bạn T khuyên ngăn nhóm bạn K không nên chơi đánh tú lơ khơ ăn tiền

Câu 69. Tệ nạn cờ bạc là các hành vi

- A. Lợi dụng trò chơi để cá cược, sát phạt được thua bằng tiền hoặc lợi ích vật chất khác
- B. Sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy
- C. Mua dâm, bán dâm và các hành vi khác có liên quan đến mua dâm, bán dâm
- D. Tin vào những điều mơ hồ dẫn đến cuồng tín, hành động trái với chuẩn mực xã hội

Câu 70. Nội dung nào sau đây không có trong Khái niệm “tội phạm”

- A. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự
- B. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách vô ý hoặc cố ý
- C. Hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật dân sự
- D. Do pháp nhân thương mại thực hiện một cách vô ý hoặc cố ý

Câu 71. “Các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên” (Khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020). Là thuật ngữ nói về

- A. Không khí
- B. Sinh vật
- C. Hệ sinh thái
- D. Môi trường

Câu 72. Yếu tố vật chất nào dưới đây không phải là thành phần của môi trường tự nhiên?

- A. Sinh vật
- B. Dân cư
- C. Ánh sáng
- D. Âm thanh

Câu 73. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng vai trò của môi trường đối với con người và các loài sinh vật?

- A. Lưu trữ thông tin tiến hóa của riêng loài người
- B. Là nơi lưu giữ lịch sử tiến hoá
- C. Cung cấp không gian sống
- D. Là nơi chứa đựng và phân hủy chất thải

Câu 74. “Sự biến đổi tính chất vật lí, hoá học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kĩ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên”. Là khái niệm

- A. An ninh môi trường
- B. Bảo vệ môi trường
- C. Ô nhiễm môi trường
- D. Biến đổi khí hậu

Câu 75. “Sự suy giảm về số lượng, chất lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên” – đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Suy thoái môi trường
- B. Biến đổi khí hậu
- C. Ô nhiễm môi trường
- D. Sự cố môi trường

Câu 76. Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường hay xảy ra sự cố môi trường là do

- A. Các hoạt động của con người
- B. Núi lửa phun trào
- C. Bão, lũ lụt,...
- D. Các nguyên nhân từ tự nhiên

Câu 77. Hệ thống các yếu tố cấu thành môi trường cân bằng để bảo đảm điều kiện sống và phát triển của con người cùng các loài sinh vật trong hệ thống đó” – đó là nội dung của khái niệm

- A. Ô nhiễm môi trường
- B. Biến đổi khí hậu

C. Bảo vệ môi trường

D. An ninh môi trường

Câu 78. Vấn đề nào dưới đây không liên quan đến an ninh môi trường?

A. Di cư tự do

B. Thiên tai

C. An ninh thông tin

D. Dịch bệnh

Câu 79. “Hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu”. Là khái niệm

A. Bảo vệ môi trường

B. An ninh môi trường

C. Sự cố môi trường

D. Suy thoái môi trường

Câu 80. Để bảo vệ môi trường đất, chúng ta nên thực hiện biện pháp nào sau đây?

A. Khai thác triệt để tài nguyên rừng để lấy gỗ phục vụ cho đời sống sản xuất

B. Lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học trong sản xuất

C. Nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường đất của cộng đồng cư dân

D. Tăng diện tích đất canh tác bằng các hành động: đốt nương làm rẫy
